

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Kiều

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 24/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn L, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số, T, phường E, quận I, thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn A (vắng mặt) thuộc văn phòng luật sư A, đoàn luật sư Sóc Trăng.

Địa chỉ: số ấp E, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 25/02/2022 nguyên đơn bà Nguyễn L trình bày như sau:

Vào ngày 29/8/2015 bà và ông Nguyễn H có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, quận I, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc,

thời gian sau vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn. Cho nên bà và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 10/2018 đến nay.

Vợ chồng bà có một con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 07/8/2016, hiện nay cháu đang sống chung với mẹ. Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà yêu cầu tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H.

Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 07/8/2016. Bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà L xin được vắng mặt tham gia mỗi khi Tòa án triệu tập.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn Luật sư Nguyễn A có đơn xin được xét xử vắng mặt.

2/ Tại biên bản xác minh bà Nguyễn O ngày 09/6/2022 có nội dung như sau:

Bà là mẹ của ông Nguyễn H. H hiện nay vẫn còn ở chung khẩu với bà. H hiện nay đi thành phố làm chứ bà cũng không biết làm ở đâu, cũng không rõ địa chỉ ở đâu, nhưng có liên lạc với nhau qua điện thoại. Hai vợ chồng H sau khi cưới thì lên thành phố làm và sinh sống, đến tết nguyên đán mới về nhà bà chơi một lần. H thì hiện nay tết vẫn về nhà. H con bà cũng có nói với bà qua điện thoại là H đồng ý ly hôn và cũng đồng ý giao con cho vợ (Liên) nuôi, Huy không cấp dưỡng nuôi con, còn H không có yêu cầu gì khác. Tòa án gửi các văn bản cho H thì bà đồng ý nhận và thông báo nội dung cho H biết để cho H ly hôn cho xong.

3/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Còn phía bị đơn vắng mặt nhưng không có yêu cầu giải quyết vắng mặt là vẫn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị chấp nhận cho bà Nguyễn L ly hôn với ông Nguyễn H. Về con chung đề nghị giao con chung tên Nguyễn N cho bà Nguyễn L nuôi dưỡng. Về

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, các đương sự cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn L vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Nguyễn A vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại Tòa Kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 29/8/2015 bà Nguyễn L và ông Nguyễn H là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận I, thành phố Hồ Chí Minh và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng, bà L cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn. Cho nên bà và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Còn ông H quá trình tố tụng thì không có mặt tại nhà, không phản hồi ý kiến đến Tòa án. Qua xác minh mẹ ruột ông H là bà Nguyễn O thì bà O cho rằng có thông báo cho ông H được biết việc bà L gửi đơn ly hôn, thì ông H có nói là đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, theo đơn kiện của bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông H. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà L và ông H đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông H đã không còn, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục thể hiện bà L đã ly thân với ông H từ tháng 10/2018 đến nay không có hàn gắn lại. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn L và ông Nguyễn H có một con chung là cháu Nguyễn N, sinh ngày 07/8/2016, theo đơn kiện thể hiện cháu N đang sống chung với mẹ ruột là bà L. Bà L yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu N; Còn ông H không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con chung. Theo xác minh bà Nguyễn O là mẹ ruột của ông H thì bà O cho rằng ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N hiện nay vẫn còn nhỏ và đang sống với với mẹ ruột nên cần ổn định môi trường sống cho cháu N phát triển bình thường, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu N của bà L. Thống nhất giao cháu Nguyễn N, sinh ngày 07/8/2016 cho bà Nguyễn L nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn H, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở ông H thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. ông Nguyễn H không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn L được ly hôn với ông Nguyễn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn N, sinh ngày 07/8/2016 cho bà Nguyễn L chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn H, không ai được quyền ngăn cản hay cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002573 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà Nguyễn L đã thực hiện xong phần án phí. ông Nguyễn H không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường E, Quận 6, TP HCM;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký tên và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng